

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày 03 – 4 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bé Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Mẫn

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2025/TLST-DS ngày 10/10/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXX-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Q, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, (xã C M’Nông cũ), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Bùi Văn K, sinh năm 1970 và bà Đậu Thị L, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, (xã C M’Nông cũ), xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Quy trình B:***

Do có quen biết từ trước nên ngày 24/6/2019 âm lịch tôi có cho bà Đậu Thị L và ông Bùi Văn K vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay là để ông K và bà L cho con đi học, do tôi thấy tội nên tôi có cho vay. Ông K và bà L hứa với tôi một năm trả 8.000.000đ và trả trong vòng ba năm. Khi vay tôi là người viết giấy vay còn ông K và bà L ký tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất

vay. Từ năm 2019 đến nay năm nào ông bà cũng hứa đến mùa cà phê trả nhưng không trả. Ông K và bà L cho rằng chỉ vay tôi 1.800.000đ để về quê là không đúng, vì ông K và bà L vay tôi rất nhiều lần sau đó gộp vào 01 giấy vay là giấy tôi khởi kiện, còn các giấy khác đã xé đi. Nay tôi khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Buộc ông Bùi Văn K và bà Đậu Thị L trả số tiền vay gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Về lãi suất tôi không yêu cầu tính lãi suất.

*** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn K và bà Đậu Thị L trình bày:**

Vợ chồng tôi có vay tiền của bà Q ở thôn A xã E số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) để đi về quê ăn tết năm 2019. Khi vay bà Q tính lãi suất 03%/tháng. Đối với số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) bà Q khởi kiện thì vợ chồng tôi không vay, giấy vay này không phải do vợ chồng tôi viết, chữ ký và chữ viết Đậu Thị L, Bùi Văn K không phải do vợ chồng tôi ký và viết ra. Đối với số tiền 1.800.000đ đến mùa cà phê năm 2025 vợ chồng tôi trả.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS nhưng còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

+ Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72, BLTTDS;

+ Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Q cho rằng có cho ông K, bà L vay tiền nhiều lần, đến ngày 24/6/2019 âm lịch thì hai bên gộp lại thành một giấy vay tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), ông K và bà L vay tiền là để cho con đi học, hẹn một năm trả 8.000.000đ và trả trong vòng ba năm. Hai bên không thỏa thuận lãi suất

vay. Từ năm 2019 đến nay năm nào ông K và bà L cũng hứa đến mùa cà phê sẽ trả nhưng không trả.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) bà Q khởi kiện thì vợ chồng tôi không vay, giấy vay này không phải do vợ chồng tôi viết, chữ ký và chữ viết Đậu Thị L, Bùi Văn K không phải do vợ chồng tôi ký và viết ra. Do đó, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông K và bà L. Tại Kết luận giám định 1244/KL-KTHS ngày 15/12/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chữ ký và chữ viết Đậu Thị L trên giấy vay tiền ngày 24/6/2019 so với mẫu giám định là do cùng một người ký và viết ra. Đối với chữ Viết Bùi Văn K trên giấy vay tiền ngày 24/6/2019 so với chữ viết Bùi Văn K trên mẫu giám định là do cùng một người viết ra. Đối với chữ ký của ông K trong giấy vay tiền, do chữ ký có dạng khác với mẫu giám định nên không tiến hành giám định. Như vậy, với kết luận giám định trên đã có đủ cơ sở để xác định vợ chồng ông K và bà L có vay 25.000.000đ của bà Hồ Thị Quy . Việc ông K và bà L không trả nợ cho bà Q là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Q và vi phạm Điều 463; Điều 466 BLDS. Do đó HĐXX cần buộc bị đơn bà Đậu Thị L và ông Bùi Văn K phải trả khoản vay cho nguyên đơn bà Hồ Thị Quy .

Về lãi suất khoản vay, do nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng chỉ nợ bà Hồ Thị Q 1.800.000đ: HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho mình chỉ vay nguyên đơn 1.800.000đ, hơn nữa nguyên đơn không thừa nhận nên ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở.

[3]. Về chi phí giám định: Do kết quả giám định đúng chữ ký chữ viết của bị đơn ký và viết ra. Do đó, HĐXX buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định 6.000.000đ. Bà Hồ Thị Q được nhận lại số tiền 6.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng khi thu được từ bị đơn.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo số tiền phải trả, cụ thể: 25.000.000đ x 5% = 1.250.000đ.

Nguyên đơn được miễn án phí theo thông báo số 255/TB-TA ngày 09/10/2025 của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 161; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Q.

Buộc bị đơn bà Đậu Thị L và ông Bùi Văn K phải trả số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho bà Hồ Thị Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn ông Bùi Văn K và bà Đậu Thị L phải chịu chi phí giám định 6.000.000 đồng. Bà Hồ Thị Q được nhận lại số tiền 6.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ ông Bùi Văn K và bà Đậu Thị L.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Bùi Văn K và bà Đậu Thị L phải nộp 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bế Văn Toàn